

Soạn bài Thực hành các phép tu từ: Phép điệp và phép đối

I. Luyện tập về phép điệp (điệp ngữ)

Câu 1. Đọc các ngữ liệu (1) và (2) mục 1.1 (SGK trang 124) và trả lời câu hỏi.

a) - Trong ngữ liệu (1), “*nụ tầm xuân*” được lặp lại nguyên vẹn. Nếu thay thế bằng “*hoa tầm xuân*” hay “*hoa cây này*” thì câu thơ sẽ có như thế nào ?

- Cũng ở ngữ liệu (1):

Bây giờ em đã có chồng,

Như chim vào lồng, như cá mắc câu

Cá mắc câu biết đâu mà gỡ

Chim vào lồng biết thõ nào ra

Vì sao có sự lặp lại ở hai câu sau ? Nếu không lặp lại như vậy thì sự so sánh đã rõ ý chưa ? Cách lặp này có giống với “*nụ tầm xuân*” ở câu trên không ?

b) Trong các câu ở ngữ liệu (2), việc lặp từ có phải là phép điệp tu từ không ? Việc lặp từ ở những câu đó có tác dụng gì ?

c) Phát biểu định nghĩa về phép điệp.

Trả lời:

a)

- Trong ngữ liệu (1), “*nụ tầm xuân*” được lặp lại nguyên vẹn. Nếu thay thế bằng “*hoa tầm xuân*” hay “*hoa cây này*” thì câu thơ sẽ có một số thay đổi:

+ Về ý: “*nụ tầm xuân*” khiến ta liên tưởng tới người con gái. “*Nụ tầm xuân*” nở cũng như “*em có chồng rồi*”. Nếu thay như trên thì cơ sở để liên tưởng sẽ bị mờ nhạt, ý câu thơ sẽ chỉ như tả một loài vật. Sự lặp lại nguyên vẹn ở câu thứ hai và câu thứ ba có tác dụng vừa nhấn mạnh, vừa làm cho ý thơ, nhịp thơ dường như chững lại, nó góp phần diễn tả sự hụt hẫng, sự thảng thốt trong tâm trạng của chàng trai khi được tin người con gái mình yêu đi lấy chồng.

+ Về nhạc điệu: Thực chất ba câu đầu không có vần nhưng đọc lên ta không cảm giác thấy điều đó là vì phép điệp ngữ đã tạo nên một thứ nhạc riêng mà nếu thay như trên thì thứ âm nhạc này sẽ bị phá vỡ.

Soạn bài Thực hành các phép tu từ: Phép điệp và phép đối

- Cũng trong ngữ liệu (1), bốn câu cuối có sự lặp lại hai cụm từ “chim vào lồng” và “cá mắc câu”

+ Sự lặp lại này nhằm nhấn mạnh tình cảnh “cá chậu, chim lồng”, nỗi chua xót, sự lệ thuộc, bế tắc về bi kịch hôn nhân tình yêu của người phụ nữ thời phong kiến.

+ Nếu không lặp lại như thế thì sự so sánh cũng đã rõ ý. Nhưng việc lặp lại đã tô đậm thêm một lần nữa ý so sánh. Qua đó, cô gái muốn khẳng định với chàng trai về tình cảnh không thay đổi của mình.

+ Cách lặp ở đây không giống với cách lặp ở câu trên. Đoạn trên, cụm từ “nụ tầm xuân” ở cuối câu này được lặp lại ở đầu câu kia. Đoạn dưới, hai cụm từ thuộc hai vế trong cùng một câu được lặp lại ở đầu mỗi câu tiếp theo, trong đó đầu câu thứ nhất lặp lại cụm thứ hai (cá mắc câu) và đầu câu thứ hai lặp lại cụm thứ nhất (chim sổ lồng).

b) Trong các câu ở ngữ liệu (2), việc lặp từ không phải là phép điệp tu từ mà chỉ đơn thuần là nhằm tạo nên tính đối xứng và tính nhịp điệu, diễn đạt rõ ý cho câu nói mà thôi.

c) Phát biểu định nghĩa về phép điệp: Phép điệp là biện pháp tu từ được xây dựng bằng cách lặp lại một hoặc một số yếu tố diễn đạt (vần, nhịp, cụm từ, câu, từ) nhằm nhấn mạnh, biểu đạt cảm xúc và ý nghĩa, có khả năng gợi hình tượng.

Câu 2. Bài tập ở nhà

a) Tìm ba ví dụ có điệp từ, điệp câu nhưng không có giá trị tu từ.

Loại điệp từ không có màu sắc tu từ có thể thấy xuất hiện phổ biến ở các bài văn:

- Anh ấy uống nhiều, nói nhiều và hát nhiều nữa.

- Văn học giúp ta nhận thức cuộc sống, văn học còn chắp cánh ước mơ.

- Tôi yêu thương con người phương Nam, yêu cái nắng gió phương Nam.

b) Tìm ba ví dụ trong những bài văn đã học có phép điệp.

Phép điệp được dùng khá phổ biến trong các tác phẩm văn học, đặc biệt là trong thơ (các bài ca dao; đoạn trích truyện thơ *Tiến dặn người yêu*; *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi; các đoạn trích *Truyện Kiều* của Nguyễn Du...).

Ví dụ 1:

- Điệp từ:

Soạn bài Thực hành các phép tu từ: Phép điệp và phép đối

Người ta đi cấy lấy công

Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề

Trông trời, trông đất, trông mây

Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm

Trông cho chân cứng đá mềm

Trời yên bể lặng, mới yên tâm lòng

(Ca dao)

- Điệp ngữ:

Đảng ta đó, trăm tay nghìn mắt

Đàn em ta đây xương sắt da đồng

Đảng ta muôn vạn công nông

Đảng ta muôn vạn tấm lòng niềm tin.

(Tố Hữu)

- Điệp cấu trúc:

Tre xung phong vào xe tăng đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!

c) Viết một đoạn văn có phép điệp theo nội dung tự chọn.

Nên chọn kiểu văn miêu tả, văn thuyết minh hoặc văn nghị luận để viết đoạn văn. Khi viết những câu văn có phép điệp cần lưu ý để tránh nhầm lẫn với việc điệp từ, điệp câu nhưng không có giá trị tu từ.

II. Luyện tập về phép đối

Câu 1. Đọc những ngữ liệu (1), (2), (3), (4) trong SGK trang 125,126 và trả lời câu hỏi:

Soạn bài Thực hành các phép tu từ: Phép điệp và phép đối

a) Ngữ liệu (1) và (2) đều có cách sắp xếp từ ngữ cân đối giữa hai vế trong một câu. Mỗi câu đều có hai vế, mỗi vế đều có ba từ. Hai vế cân đối được gắn kết với nhau nhờ phép đối.

Vị trí của các danh từ (chim, người/tô, tông...) các tính từ (đói, rách, sạch, thơm...), các động từ (có, diệt, trừ...) tạo thế cân đối là nhờ chúng đứng ở những vị trí giống nhau xét về cấu tạo ngữ pháp của mỗi vế (ví dụ hai danh từ “chim” và “người” đều đứng ở vị trí đầu mỗi vế; hai tính từ “sạch” và “thơm” đều đứng ở vị trí cuối mỗi vế;...).

b) Trong ngữ liệu (3) và (4) có những cách đối khác nhau:

- Ngữ liệu (3) sử dụng cách tiêu đối trong một câu (*Khuôn trăng đầy đặn / nét ngài nở nang, Mây thua nước tóc / tuyết nhường màu da*).

- Ngữ liệu (4) sử dụng cách đối giữa hai câu (*Rắp mượn điền viên vui tế nguyệt / Trót đem thân thế hẹn tang bồng*) - Đối theo kiểu câu đối.

c) Ta có thể tìm thấy trong *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn; *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi; *Truyện Kiều* của Nguyễn Du rất nhiều câu văn sử dụng phép đối. Ví dụ:

- *Hịch tướng sĩ*:

+ Trăm thân này phơi ngoài nội cỏ / nghìn xác này gói trong da ngựa;

+ Hoặc lấy việc chọi gà làm vui đùa / hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển / hoặc vui thú ruộng vườn / hoặc quyến luyến vợ con;...

- *Bình Ngô đại cáo*:

+ *Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân / Quân điếu phạt trước lo trừ bạo*;

+ *Guom mài đá, đá núi phải mòn / Voi uống nước, nước sông phải cạn*;...

- *Truyện Kiều*: *Guom đàn nửa gánh / non sông một chèo; Người lên ngựa / kẻ chia bào*...

- *Thơ Đường luật của Bà Huyện Thanh Quan*:

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia

(*Qua đèo Ngang*)

Soạn bài Thực hành các phép tu từ: Phép điệp và phép đối

- Câu đối: Phép đối là cách xếp đặt từ ngữ, cụm từ và câu ở vị trí cân xứng nhau để tạo nên hiệu quả giống nhau hoặc trái ngược nhau nhằm gợi ra một vẻ đẹp hoàn chỉnh và hài hòa trong cách diễn đạt để hướng đến làm nổi bật nội dung ý nghĩa nào đó.

Một người thợ nhuộm chết. Vợ ông ta đến nhờ cụ Tam nguyên Yên Đỗ làm cho một đôi câu đối. Nguyễn Khuyến viết như sau:

+ Thiếp kể từ khi lá thắm se duyên, khi vận tía, lúc con đen, điều đại, điều khôn nhờ bỏ đỏ

+ Chàng dưới suối vàng có biết, vợ má hồng, con răng trắng, tím gan tím ruột với trời xanh.

d) Phát biểu định nghĩa về phép đối:

Câu 2. Phân tích các ngữ liệu ở mục 2 (SGK trang 126) và trả lời câu hỏi:

a. Tục ngữ là những câu nói hết sức cô đọng, ngắn gọn và thường được sử dụng phép đối. Tục ngữ đúc kết những kinh nghiệm trong lao động sản xuất, trong ứng xử xã hội.

- Phép đối trong tục ngữ có tác dụng làm cho người đọc, người nghe dễ nhớ, dễ thuộc.

- Từ ngữ sử dụng trong tục ngữ hầu như không thể thay được vì mỗi câu tục ngữ đều mang tính cố định giống như các thành ngữ, quán ngữ. Hơn nữa, tục ngữ sử dụng phép đối rất cân chỉnh, không thể có một từ khác thay vào mà tính cân chỉnh của phép đối tốt hơn.

- Phép đối trong tục ngữ thường đi kèm với các biện pháp ngôn ngữ như: thường gieo vần lưng (tật/ thật), từ ngữ dùng mang giá trị tu từ (ẩn dụ, so sánh, nhân hoá...); câu ngắn và thường tỉnh lược các bộ phận...

b) Tục ngữ là những câu rất ngắn nhưng vẫn khái quát được hiện tượng rộng, người không học mà cũng nhớ, không cố ý ghi lại mà vẫn được lưu truyền. Sở dĩ có được điều đó là vì cách diễn đạt của tục ngữ được chọn lọc, gọt giũa, có vần, có đối, nghe một lần là nhớ và rất khó quên.

Câu 3. Bài tập ở nhà

a) Tìm mỗi kiểu đối một ví dụ.

Có nhiều kiểu đối: đối thanh điệu; đối từ loại; đối ngữ nghĩa...

Ví dụ:

Soạn bài Thực hành các phép tu từ: Phép điệp và phép đối

- Kiểu đối thanh: chim có tổ/ người có tông: (“tổ” - thanh trắc / “tông”, thanh bằng).
- Kiểu đối chọi về nghĩa: Gần mực thì đen / gần đèn thì sáng: (mực - xấu / đèn - tốt).
- Kiểu đối từ loại: Đói cho sạch / rách cho thơm: (các từ có cùng từ loại đối với nhau: đói - rách; sạch - thơm).

b) Có rất nhiều cách ra vế đối, cần tham khảo thêm câu đối của các bậc nho sĩ xưa để học tập cách ra vế đối và cách đối.

Ví dụ:

Tết đến, cả nhà vui như Tết.

Xuân về, khắp nước trẻ cùng xuân.

(đối ý và đối thanh)